TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2023.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hiếu Trung.

2. Ông Nguyễn Văn Bảy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2023. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Trúc M, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Trúc M trình bày: Chị M và anh S do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc được một khoảng thời gian đầu nhưng thời gian sau đó đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn mất hạnh phúc do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, do đó vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Thời gian ly

thân, chị và anh S có gặp gỡ nhau nhưng không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S để mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung: có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo M, sinh ngày 21/8/2013, hiện đang sống chung với chị M. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05/12/2022 bị đơn anh Huỳnh Ngọc S trình bày: Anh S đồng ý ly hôn với chị M, anh cũng thống nhất với nội dung đơn ly hôn của chị M. Về con chung: có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo M, sinh ngày 21/8/2013, hiện đang sống chung với chị M. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi cháu M, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Trúc M và anh Huỳnh Ngọc S; về con chung: chị Lê Thị Trúc M được trực tiếp nuôi con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo M, sinh ngày 21/8/2013, anh Huỳnh Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc M và bị đơn anh Huỳnh Ngọc S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh S là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Trúc M và anh Huỳnh Ngọc S trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2012. Xét thấy, hôn nhân của chị M và anh S đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị M và anh S có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị M xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh S đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau để mỗi người có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: chị M và anh S là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau, sống ly thân khoảng 03 năm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị M và anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, chị M và anh S có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Bảo M, sinh ngày 21/8/2013, hiện đang sống chung với chị M. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, phía anh S cũng thống nhất để chị M được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: sự thỏa thuận của chị M và anh S về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu M tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và đảm bảo việc học hành cho cháu M nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị M được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh S đều thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị M phải chịu do chị M yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Trúc M và anh Huỳnh Ngọc S.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Trúc M được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Ngọc Bảo M, sinh ngày 21/8/2013; anh Huỳnh Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền

được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh S đều trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000503 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt